

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-10-2020

Về việc tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn, nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Tòng;

2. Bà Nguyễn Thùy Trang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-DS-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng Nh, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp Tân Th, xã Tân Ph, huyện C, tỉnh Đ;

Bị đơn: Anh Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khóm Phú Mỹ L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đ;

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, chị Phạm Thị Hồng Nh trình bày:

Qua mai mối, chị Nh và anh Đ tìm hiểu khoảng hai tháng, ngày 31 tháng

12 năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, sau đó tổ chức cưới. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà chú ruột của anh Đ tại thị trấn C (do anh Đ được chú nuôi dưỡng và đứng ra cưới vợ). Sau khi cưới, thời gian đầu sống hạnh phúc. Thời gian sau, anh Đ có sự thay đổi: đi sớm, về muộn, có khi đi suốt đêm không về nhà, lạnh nhạt, không quan tâm vợ, con. Đến khi chị Nh sinh con được 03 tháng thì anh Đ bỏ về nhà cha ruột ở Hòa T. Do được chú, thêm khuyên nên chị Nh cố gắng chịu đựng, chờ anh Đ suy nghĩ lại. Đến năm 2012, khi con được một tuổi, chị Nh xin phép chú thêm về nhà cha mẹ ruột sống. Từ đó, anh Đ không còn liên lạc thăm hỏi chị Nh và con. Nay chị Nhung yêu cầu ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 01 con tên Bùi Trọng Kh, sinh ngày 23-9-2011, hiện đang sống với chị Nh. Khi ly hôn, chị Nh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Bùi Ngọc Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nh về việc xin ly hôn Bùi Ngọc Đ. Về con chung: Giao con tên Bùi Trọng Kh, sinh ngày 23-9-2011 cho chị Nh nuôi dưỡng, chị Nh không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Bùi Ngọc Đ, tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, chị Phạm Thị Hồng Nh đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của chị Phạm Thị Hồng Nh về việc yêu cầu ly hôn anh Bùi Ngọc Đ. Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Chị Phạm Thị Hồng Nh và anh Bùi Ngọc Đ chung sống có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 31-12-2010, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị Nh yêu cầu ly hôn với anh Đ.

[2.2] Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Ly hôn theo yêu cầu của một bên:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Để có cuộc hôn nhân hạnh phúc cả hai phải có sự trân trọng, yêu thương, cảm thông, chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống. Tuy nhiên, theo trình bày của chị Nh thì cuộc sống chung của chị và anh Đ không hạnh phúc do quá trình chung sống anh Đ không có tình thương với vợ, con, bỏ bê, lạnh nhạt, hoàn toàn không có trách nhiệm với vợ, con. Chị Nh, anh Đ ly thân từ 2011 đến nay.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập anh Đ để làm việc, hòa giải. Tuy nhiên, anh Đ không ký nhận biên bản tổng đạt văn bản tố tụng, không có văn bản ý kiến trình bày, không có thiện chí sửa đổi cách xử sự để hàn gắn tình cảm với chị Nh, không ý kiến biện minh, bào chữa, không có trách nhiệm với cuộc hôn nhân.

[2.5] Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nh và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh về việc ly hôn anh Đ.

[3] Xét việc chị Nh yêu cầu nuôi chung tên Bùi Trọng Kh, sinh ngày 23-9-2011, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[3.1] Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự,...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trong trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con;...

Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn:

“1. ...

2...

3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.”

[3.2] Xét thấy, theo trình bày của chị Nh, từ lúc chị Nh sinh con đến nay, chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Đ không có trách nhiệm, không quan tâm, thăm nom con. Hiện cuộc sống của cháu Kh đã ổn định. Anh Đ không có ý kiến tranh chấp nuôi con. Do đó, việc chị Nh yêu cầu nuôi con tên Bùi Trọng Kh, sinh ngày 23-9-2011, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh về việc nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nh phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng Nh và anh Bùi Ngọc Đ.

2. Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị Hồng Nh được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Bùi Trọng Kh, sinh ngày 23-9-2011. (Hiện đang sống với chị Nh.)

- Anh Bùi Ngọc Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng Nh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp là 300.000 đồng ngày 23-6-2020, theo biên lai số 0002801 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C được chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự (chị Nh) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn (anh Đ) vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh Đ;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án DS Huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án và VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hùng